

BỘ NÔNG NGHIỆP
VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN
CỤC QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG
NÔNG LÂM SẢN VÀ THỦY SẢN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 534/QĐ-QLCL

Hà Nội, ngày 21 tháng 12 năm 2015

QUYẾT ĐỊNH

Về việc chỉ định cơ sở kiểm nghiệm thực phẩm phục vụ
quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm

CỤC TRƯỞNG CỤC QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG NÔNG LÂM SẢN VÀ THỦY SẢN

Căn cứ Luật an toàn thực phẩm ngày 17 tháng 6 năm 2010;

Căn cứ Nghị định số 38/2012/NĐ-CP ngày 25 tháng 4 năm 2012 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật an toàn thực phẩm;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 20/2013/TTLT-BYT-BCT-BNNPTNT ngày 01 tháng 8 năm 2013 của Bộ Y tế - Bộ Công Thương - Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định yêu cầu, trình tự thủ tục chỉ định đối với cơ sở kiểm nghiệm phục vụ quản lý nhà nước về thực phẩm;

Xét hồ sơ đăng ký chỉ định cơ sở kiểm nghiệm thực phẩm tại công văn số 167/KT2-TT ngày 15/7/2015 của Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng 2; Biên bản đánh giá cơ sở kiểm nghiệm ngày 21/9/2015 và báo cáo khắc phục ngày 27/10/2015 và ngày 03/12/2015 của Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng 2; Báo cáo thẩm định ngày 07/12/2015 của Phòng Quản lý kiểm nghiệm và Nguy cơ an toàn thực phẩm;

Theo đề nghị của Trưởng phòng quản lý kiểm nghiệm và Nguy cơ an toàn thực phẩm,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Chỉ định Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng 2

Địa chỉ: số 2 Ngô Quyền, Quận Sơn Trà, Tp. Đà Nẵng được chỉ định kiểm nghiệm thực phẩm đối với các chỉ tiêu kỹ thuật có tên trong danh mục chỉ tiêu được chỉ định kèm theo Quyết định này.



Mã số cơ sở kiểm nghiệm: **010/2015/BNN-KNTP**.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực ba (03) năm, kể từ ngày ký.

Điều 3. Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng 2 có trách nhiệm thực hiện công tác kiểm nghiệm phục vụ quản lý nhà nước khi có yêu cầu và phải tuân thủ các quy định và hướng dẫn của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền.

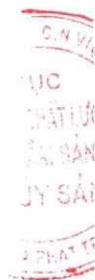
Nơi nhận:

- Như trên 3;
- Cục trưởng (báo cáo);
- Cục ATTP – Bộ Y tế (để biết);
- Vụ KHCN – Bộ Công Thương (để biết);
- Vụ KHCN – Bộ NN&PTNT (để biết);
- Các đơn vị thuộc Cục QLCL NLTS (để biết);
- Lưu VT, KN.

**KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG**



Lê Bá Anh



DANH MỤC CHỈ TIÊU ĐƯỢC CHỈ ĐỊNH
(Kèm theo Quyết định số 534/QĐ-QLCL ngày 21/12/2015 của
Cục Quản lý Chất lượng Nông lâm sản và Thủy sản)

TT	Tên phép thử	Lĩnh vực	Giới hạn phát hiện (nếu có)/phạm vi đo	
			Phương pháp thử	Giới hạn phát hiện (nếu có)
1	Hàm lượng Chloramphenicol	Thịt và sản phẩm thịt, thủy sản và sản phẩm thủy sản	KT2.K8.TN-02/S (LC-MS/MS)	0,1 ppb
2	Hàm lượng Clenbuterol, Salbutamol		KT2.K8.TN-03/S (LC-MS/MS)	0,1 ppb
3	Hàm lượng Clortetracyclin/Oxytetracyclin/ Tetracyclin		AOAC 2010 (995.09) (HPLC-UV)	10 ppb
4	Hàm lượng Ciprofloxacin		KT2.K8.TN-15/S (LC-MS/MS)	5 ppb
5	Hàm lượng Enrofloxacin		KT2.K8.TN-15/S (LC-MS/MS)	5 ppb
6	Hàm lượng Histamine	Thủy sản và sản phẩm thủy sản	KT2.K8.TN-05/S (LC-MS/MS)	5 ppm
7	Hàm lượng As	Thịt và sản phẩm thịt; thủy sản và sản phẩm thủy sản; ngũ cốc và sản phẩm từ ngũ cốc; cà phê; đường; nông sản thực phẩm (rau, củ, quả, chè)	AOAC 986.15 (2010) (GH-AAS)	0,013 ppm
8	Hàm lượng Pb		AOAC 999.11 (2010) (GF-AAS)	0,014 ppm
9	Hàm lượng Cd		AOAC 999.11 (2010) (GF-AAS)	0,015 ppm
10	Dư lượng thuốc bảo vệ thực vật nhóm Cúc:	Nông sản thực phẩm (rau, củ, quả)	AOAC 2007.01 (2010) (GC-MS)	
	+ Lamda-cyhalothrin			0,009ppm
	+ Permethrin			0,009ppm
	+ Cypermethrin			0,006ppm
	+ Fenvalenrat			0,008ppm
+ Deltamethrin	0,006ppm			
11	Định lượng <i>Staphylococci</i> có dương tính với coagulase (<i>Staphylococcus aureus</i> và các loài khác)	Nông sản thực phẩm (thịt, thủy sản, rau, củ, quả)	TCVN 4830-1: 2005	1CFU/ml 10 CFU/g



Handwritten signature